

Số: /ĐA-UBND

Thạch Hạ, ngày 24 tháng 02 năm 2023

ĐỀ ÁN

**Phát triển kinh tế nông thôn giai đoạn 2022-2025,
định hướng đến năm 2030 xã Thạch Hạ - TP Hà Tĩnh**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thạch Hạ là xã ven đô nằm ở phía Bắc của thành phố Hà Tĩnh, có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển nông nghiệp Đô thị và nuôi trồng thủy, hải sản, với hoạt động sản xuất chính của người dân là nông nghiệp. Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành, triển khai thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Sản xuất nông nghiệp, thủy sản phát triển khá toàn diện; trong giai đoạn 2020 - 2022, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 10,5%/năm; lương thực bình quân đầu người đạt và vượt so với kế hoạch; trong trồng trọt đã hình thành các vùng chuyên canh hàng hóa tập trung; chăn nuôi có bước phát triển theo hướng gia trại, trang trại. Xây dựng nông thôn mới đã về đích xã Nông thôn mới Kiểu mẫu vào năm 2022.

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế của xã đã từng bước chuyển mình theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - thương mại và dịch vụ; hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Năm 2022, do sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, tuy nhiên nền kinh tế của xã vẫn có sự phát triển ổn định. Tổng giá trị sản xuất: 396.517 tỷ. Trong đó giá trị sản xuất về Nông nghiệp: 46.662 tỷ (trong đó NTTS 36 tỷ) chiếm 11,77%; Dịch vụ, thương mại và ngành nghề khác: 102.132 tỷ chiếm 25,76%; Các hoạt động khác: 247.723 tỷ chiếm 62,47%.

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 80,738 tỷ đồng đã tạo nguồn thu đảm bảo cho việc chi thường xuyên, kinh tế, hạ tầng đảm bảo cho cuộc sống người dân.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm, thủy sản còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém: Sử dụng đất đai chưa hợp lý, còn lãng phí lớn; cơ cấu kinh tế nông nghiệp và ngành nghề nông thôn chuyển dịch chậm; sản xuất còn manh mún, tự phát, thiếu ổn định và quy mô sản xuất nhỏ lẻ và phân tán; trình độ sản xuất không đồng đều, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, khả năng cạnh tranh kém. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ cao như: Sử dụng giống mới, kỹ thuật canh tác bền vững, sản xuất gắn kết với thị trường và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa còn hạn chế, chưa có sức cạnh tranh. Chính vì vậy, giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị diện tích canh tác còn thấp. Công nghiệp chế biến nông sản, nhất là công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch phát triển chậm. Thu nhập của người lao động sản xuất nông

nghiệp, thủy sản đạt còn thấp và chịu nhiều rủi ro lớn, thua thiệt nhiều so với lao động ở các khu vực kinh tế khác

Để phát huy được lợi thế của địa phương đồng thời khắc phục được những tồn tại, định hướng cho việc phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong giai đoạn 2020 - 2025, Đại hội Đảng bộ xã Thạch Hạ thông qua Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 19/3/2020 và được cụ thể hóa bằng Chương trình hành động số 01-CTr/HĐ thực hiện NQ của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh (khoá XIX), Nghị quyết đảng bộ thành phố (khoá XXI) về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, “Nông nghiệp Đô thị” tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường giai đoạn 2020 - 2025. Trong đó đã đề ra mục tiêu cho phát triển nông nghiệp là đẩy mạnh tái cơ cấu ngành theo hướng tập trung, tích tụ ruộng đất liên doanh, liên kết phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác, từ đó xây dựng các thương hiệu sản phẩm nông nghiệp có sức cạnh tranh trên thị trường. Từ những nội dung trên việc xây dựng Đề án phát triển kinh tế nông thôn giai đoạn 2022 – 2025 là hết sức cần thiết cho sự phát triển bền vững của địa phương Thạch Hạ trong những năm tiếp theo.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”;

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”

- Quyết định 3004/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”;

- Căn cứ Nghị quyết số 01 - NQ/Th.U ngày 01/8/2020 của Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

- Căn cứ Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND thành phố về vphát triển nông nghiệp đô thị thành phố Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ thực trạng kinh tế - xã hội và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khoá XX, giai đoạn 2020 - 2025;

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Phạm vi của Đề án: Trên địa xã.

2. Đối tượng triển khai Đề án

a) Đối tượng thụ hưởng: Là người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

b) Đối tượng thực hiện: Hệ thống chính trị xã, trong đó, chủ thể thực hiện chính là người dân trên địa bàn toàn xã

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN XÃ THẠCH HẠ GIAI ĐOẠN 2020-2022

I. KHÁI QUÁT CHUNG TÌNH HÌNH

1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý

Vị trí địa lý: xã Thạch Hạ thuộc xã đồng bằng, nằm ở cửa ngõ phía Bắc đi vào thành phố Hà Tĩnh:

- Phía Bắc giáp với sông Cày.

- Phía Đông giáp xã Đồng Môn.

- Phía Tây giáp xã Thạch Trung.

- Phía Nam giáp xã Thạch Trung và Phường Thạch Quý.

- Về địa hình

Thạch Hạ là xã nằm trong khu vực bằng phẳng, không có núi đồi, cao độ tự nhiên chỉ dao động từ cao độ -1,69m đến +2,5m.

Khu vực đất canh tác nông nghiệp: từ -0,15m - 2,30m.

Khu vực ao hồ, ngập nước trong Đê: từ -1,69m - 0,43m.

Khu vực ao hồ, thềm sông Rào Cái (ngoài Đê): từ -0,82m - 0,5m.

- Đất đai, thổ nhưỡng:

Đất đai không màu mỡ, thiếu dinh dưỡng, đất phèn chua nhiễm mặn chiếm 1/5 diện tích.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

2.1. Theo số liệu kiểm kê đất đai đến 30/12/2022 thì diện tích tự nhiên xã Thạch Hạ là 797,21 ha.

Trong đó:

- + Đất nông nghiệp 474,86 ha:
- + Đất lâm nghiệp (rừng ngập mặn) là 43,46 ha,
- + Đất nuôi trồng thủy sản là 109,56 ha.
- + Đất Phi NN 318,83 ha:
- + đất ở 80,39 ha.
- + Đất chuyên dụng 140,16 ha,
- + Đất tôn giáo 1,4 ha,
- + Đất nghĩa trang 7,27 ha,
- + Đất sông suối và mặt nước chuyên dụng 38,7 ha.
- + Đất chưa sử dụng 3,52 ha.

2.2. Về cơ cấu các loại đất:

Tổng diện tích trên địa giới hành chính xã là 797,21 ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp là 474,86 ha: đất sản xuất NN là 330,84 ha (trong đó hộ gia đình, cá nhân có 297,92 ha, chiếm 90,05%, UBND xã có 31,59 ha, chiếm 9,55%); đất lâm nghiệp 43,46 ha (trong đó UBND xã 24,07ha chiếm 69,84%); đất NTTS 109,56 ha (trong đó hộ gia đình có 84,73 ha, chiếm 77,34 %; UBND xã có 13,22 ha, chiếm 12,07%;

+ Đất phi nông nghiệp là 318,83 ha: Đất ở là 80,39 ha (hộ gia đình, cá nhân chiếm 100%); đất chuyên dùng 140,16 ha (trong đó tổ chức kinh tế có 1,0 ha, chiếm 0,72 ha; cơ quan nhà nước có 11,37 ha, chiếm 8,12 %; tổ chức sự nghiệp công lập 8,02 ha, chiếm 5,72 %; UBND xã có 93,42 ha, chiếm 66,65 %; đất cơ sở tôn giáo 1,4 ha (cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo chiếm 100%); Đất cơ sở tín ngưỡng 2,87 ha (cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo chiếm 100%); đất nghĩa địa 7,27 ha; đất sông ngòi, kênh, rạch, 38,7 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 48,04 ha;

+ Đất chưa sử dụng: 3,52 ha.

- Thủy văn:

Khu vực quy hoạch chịu ảnh hưởng chế độ thủy văn của sông Rào Cái, về mùa lũ kết hợp với triều cường thường xảy ra lũ trên các sông và nằm trong vùng đồng bằng cửa sông lớn do nước lũ tạo thành, nguồn nước ngầm chủ yếu nằm ở vùng bồi tích phù sa sông. Qua đánh giá sơ bộ cho thấy mực nước ngầm xuất hiện trong khoảng 0,4m - 1,0m, sâu dưới 12m thường bị nhiễm mặn.

(Đánh giá sơ bộ về tiềm năng phát triển rừng, tài nguyên đất, nước với sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ dân sinh)

2. Điều kiện kinh tế, xã hội

- Tổng giá trị sản phẩm hàng hóa dịch vụ của xã năm 2020: 378 tỷ đồng; 2021: 387.462 tỷ đồng; 2022: 396.517 tỷ.

Đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã năm 2020 - 2022 thông qua đánh giá tổng giá trị sản xuất, tỷ trọng ngành nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ tương ứng qua các năm 2020, năm 2022.

3. Dân số và cơ cấu lao động:

- Dân số: Toàn xã có 1.946 hộ, dân số 7.716 nhân khẩu.
 Trong đó: dân số nam 3.801 người (chiếm 49,3%), dân số nữ 3.915 (chiếm 50,7%).

- Cơ cấu lao động: Tổng số người lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế 4.274 người, trong đó

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: 1.032 người.

+ Công nghiệp, xây dựng: 1.114 người.

+ Thương mại, dịch vụ: 2.128 người.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 54,6 triệu/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới giai đoạn 2021-2025). 0,97%.

Đánh giá sơ bộ về đặc điểm lao động, những thuận lợi, khó khăn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

Thuận lợi: Công tác đào tạo và hướng nghiệp dạy nghề bước đầu gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; cơ cấu ngành nghề đào tạo từng bước được điều chỉnh theo cơ cấu ngành nghề sản xuất, kinh doanh; đã mở thêm nhiều nghề đào tạo mới mà thị trường lao động có nhu cầu và các nghề phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và giải quyết việc làm cho người lao động. Nếu có sự quyết tâm, cần cù, sang tạo, biết tận dụng được những lợi thế sẵn có trên địa bàn về nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất, kinh doanh, canh tác, thì số lao động này sẽ tạo được công ăn việc làm và có thu nhập ổn định tại địa phương.

Khó khăn: Số lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, thậm chí nhóm có trình độ chuyên môn cao có khuynh hướng hiểu biết lý thuyết khá, nhưng lại kém về năng lực thực hành và khả năng thích nghi trong môi trường nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản. Chỉ tập trung đa số cho Hàn xì, nhôm kính, mộc, xây dựng và một số đang thiên về lao động tự do,

Khả năng làm việc theo nhóm, tính chuyên nghiệp, năng lực phối hợp để sản xuất kinh doanh còn rất nhiều hạn chế, còn so đo, tính toán. Lợi thế của địa phương thì có, song chưa mạnh dạn đầu tư.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các văn bản nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn:

- Kết luận của Đảng uỷ số 01-KL/ĐU ngày 12/01/2022 của BCH Đảng bộ về tình hình KTXH – QPAN năm 2021, Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ năm 2022

- Nghị Quyết số 18/NQ-HĐND ngày 05/01/2022 của HĐND xã về nhiệm vụ phát triển KTXH – QPAN năm 2022.

- Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 18/3/2022 của UBND xã về Đề án tích tụ ruộng đất giai đoạn 2022-2025, Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 26/8/2021 của UBND xã về phát triển nông nghiệp đô thị giai đoạn 2021- 2025; của UBND sản xuất NN, tái cơ cấu ngành nông nghiệp

2. Kết quả thực hiện các chương trình MTQG về NTM: Xã về đích nông thôn mới kiểu mẫu được công nhận vào ngày 01/7/2022,

III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu: tổng giá trị sản xuất năm 2020 đạt 378 tỷ đồng; 2021: 387.462 tỷ đồng; 2022: 396.517 tỷ; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2022 đạt 12% hàng năm;

Cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp đô thị và nuôi trồng thủy sản đạt 36 tỷ đồng; lĩnh sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực như Dưa lưới, Dưa Lê Hàn Quốc theo hướng Vietgap; tôm Sú, tôm Thẻ chân trắng, Cua, các các loại có bước chuyển dịch theo hướng liên kết, sinh học đảm bảo vệ sinh chăn nuôi.

1.1. Trồng trọt

Diện tích sản xuất lúa hàng năm 363ha (các loại cây trồng chủ yếu cơ cấu các loại giống năng suất cao như: ADI 168; BT09; HN6; HT1; ST 25; Nếp 98) bình quân năm Cây lương thực (lúa năng suất bình quân 5.2, sản lượng.1.887.6 tấn) và các loại rau màu; hoa, cây cảnh, cây ăn quả 100 tấn Giá trị sản xuất trên ha 81 triệu/ha canh tác.

- Về tích tụ, tập trung ruộng đất: Từ cuối năm 2019 đến cuối năm 2022 tổng diện tích đất tích tụ: 63.1ha (Bao gồm cả đất trồng lúa và đất trồng cây ngắn ngày) . Riêng năm 2022 tích tụ 36,6ha.

Kết quả thực hiện: Từ năm 2020 đến nay xây dựng mô 4 hình kinh tế hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (Cụ thể mô hình rau, củ quả sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap 2,3ha; mô hình sinh kế 3 trong 1, chuyển đổi sản xuất lúa đơn thuần sang nuôi trồng các lúa và các loại thủy hải sản kết hợp với du lịch dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao với tổng diện tích đang được nhân rộng từ 5 ha lên 15 ha; mô hình Nuôi tôm công nghệ cao 3 giai đoạn ứng dụng công nghệ vị sinh; mô hình HTX sản xuất Nông nghiệp vùng Đồng Ghè). Tổng diện tích các mô hình đến thời điểm hiện nay là xấp xỉ 50ha, thu nhập bình quân của các mô hình 500 triệu/mô hình;

UBND xã đang xây dựng kế hoạch chuyển đổi ruộng đất theo hình thức dồn điền đổi thửa vùng Đồng Vơ 11ha; tập trung ruộng đất, Cầu trai, Đập xã, Cửa ả 30ha

- Về ứng dụng cơ giới hóa máy cày 8 chiếc. Trong đó máy cày nhỏ 5 chiếc máy cày to 8 chiếc.

1.2. Chăn nuôi

Đánh giá các nội dung sau:

- Giá trị sản xuất chăn nuôi, cơ cấu giá trị chăn nuôi trong tổng giá trị nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2020 -2022; Tổng đàn: Đàn Trâu bò; 516 con; Đàn lợn 872 con; Đàn gia cầm 21.886; con sản lượng thịt hơi xuất chuồng 523 tấn; Trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ: Trại gà anh Chương (Liên Hà với 1500 con gà đẻ); Trang trại chăn nuôi bò nhót của anh Danh 11 con chế biến thức ăn tại chỗ.

- Chăn nuôi áp dụng quy trình VietGap, an toàn dịch bệnh, hướng hữu cơ đến nay trên địa bàn xã Thạch Hạ HTX sản xuất rau , củ quả và dịch vụ tổng hợp Thạch Hạ đã có

chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap và đã được thẩm định hồ sơ mô hình trọng tâm trọng điểm của Thành phố, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ.

- Hàng năm UBND xã đã có Kế hoạch và đưa vào Nghị quyết HĐND các cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng bể bioga, bể compost xử lý môi trường trong chăn nuôi với tổng số 76 bể; hỗ trợ chế phẩm sinh học xử lý chuồng trại trong chăn nuôi bằng đệm lót sinh học từ năm 2020 – 2022 là 2.300 gói được cấp cho các hộ chăn nuôi trên 11 thôn.

Ứng dụng công nghệ đệm lót sinh học, công nghệ biogas trong xử lý chất thải trong chăn nuôi; chế biến thức ăn tại chỗ phục vụ cho chăn nuôi bò, đầu tư nâng quy mô đàn, khuyến khích phát triển chăn nuôi nông hộ (giữ nguyên tổng đàn)

- Chăn nuôi áp dụng quy trình VietGap, an toàn dịch bệnh, hướng hữu cơ...; Ứng dụng công nghệ đệm lót sinh học, công nghệ biogas trong xử lý chất thải trong chăn nuôi; chế biến thức ăn tại chỗ phục vụ cho chăn nuôi bò thâm canh, đầu tư nâng quy mô đàn, phát triển mạnh chăn nuôi nông hộ;

- Trồng trọt theo quy trình VietGAP 20.000m² nhà lưới theo hướng hữu cơ, 1.3ha tôm thẻ theo hướng nuôi sinh học 3 giai đoạn ứng dụng công nghệ cao...

- Cấp mã số vùng trồng tại các vùng nguyên liệu tập trung: Đang xây dựng hồ sơ truy cấp

1.3. Nuôi trồng, khai thác thủy sản

- Giá trị sản xuất Thủy sản, cơ cấu giá trị thủy sản trong tổng giá trị nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2020 -2022:

+ Về nuôi trồng thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy 136ha (trong đó có 110 ha mặn lợi 36 ha gồm hồ đập tự nhiên, hồ thủy lợi và hồ tái tạo).

Năm 2020 sản lượng thủy sản đạt 250 tấn; năm 2022 đạt 350 tấn giai đoạn này có sự chênh lệch lớn về sản lượng cho ta thấy tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực này khá lớn, xây dựng mô hình NTTS ứng dụng công nghệ cao được quan tâm đầu tư và ngày càng được nhân rộng, đến nay xã đã có 2 mô hình NTTS công nghệ cao với tổng diện tích 5.3ha. Đối tượng chủ yếu được người dân đưa vào sản xuất Tôm thẻ, tôm sú, cá đối mực, cua, cá chim vây vàng, cá chẻm, cá Vược, tôm càng xanh, rô đầu nhím, hào ...

Thời cơ và những thuận lợi

- Trong những năm qua ngành thủy sản nói chung và NTTS nói riêng đã nhận được nhiều sự quan tâm và các chính sách ưu đãi của thành phố.

- Tiến trình đô thị hóa nhanh, do đó nhu cầu sản phẩm nông nghiệp nói chung và sản phẩm thủy sản ngày càng cao đặc biệt là các sản phẩm thực phẩm an toàn, thực phẩm sạch.

- Tình hình dịch bệnh của các động vật nuôi trên cạn diễn biến phức tạp là điều kiện cho NTTS phát triển (do động vật thủy sản không mang mầm bệnh và truyền bệnh sang con người nên sẽ có sự chuyên dịch từ sử dụng thực phẩm trên cạn sang thực phẩm thủy sản).

- Nhu cầu thực phẩm tại chỗ cao đặc biệt là nhu cầu về sản phẩm thủy sản.

- Điều kiện tự nhiên thuận lợi và tiềm năng loại hình mặt nước đa dạng phong phú là cơ sở cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

- Công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, đặc biệt là công nghệ nuôi tom sinh học 3giai đoạn công nghệ cao phát triển nhanh và mạnh, đã và đang tạo cơ hội cho việc áp dụng vào hoạt động nghiên cứu và NTTS.

- Nguồn nhân lực dồi dào, có kinh nghiệm nên thuận lợi cho phát triển NTTS trong tương lai.

Khó khăn và thách thức chủ yếu

- Đến nay, tình hình sử dụng tiềm năng nguồn lợi thủy sản chưa hiệu quả, thiếu bền vững do phát triển tự phát, thiếu hoặc không tuân thủ quy hoạch, làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn lợi ích, thậm chí trong một khu vực địa lý.

- Môi trường bị biến đổi theo chiều hướng xấu: Nguồn nước cung cấp cho NTTS từ các các sông, rạch đang bị ô nhiễm nghiêm trọng ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất.

- Tình trạng sản xuất manh mún, tự phát, phân tán đang còn phổ biến. Trình độ công nghệ, kỹ thuật áp dụng trong NTTS còn thấp dẫn đến năng suất nuôi chưa cao.

- Nhìn chung việc tiếp cận với thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm của người sản xuất gặp rất nhiều khó khăn, gây tình trạng mất cân đối cung cầu trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản phẩm thủy sản của xã nhà vẫn chủ yếu tiêu thụ dưới hình thức tươi sống, xã nhà chưa có chợ đầu mối về hải sản nên trong quá trình tiêu thụ ra thị trường người dân còn chịu cảnh bị ép giá.

+ Về Khai thác thủy sản: 30 tấn bằng đăng nô, vó, đáy, bắt thủ công Hàu, hến 20 tấn.

+ Về Khai thác thủy sản: 30 tấn bằng đăng nô, vó, đáy, bắt thủ công Hàu, hến 20 tấn.

1.4. Lâm nghiệp

Đánh giá các nội dung sau:

Diện tích đất lâm nghiệp 36ha rừng phòng hộ; Diện tích đã được giao cho tổ quản lý đê điều bảo quản.

1.5. Diêm nghiệp (nếu có) Không có.

1.6. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm về chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm

Đánh giá chung các hoạt động quản lý nhà nước. Hằng năm có thành lập các đoàn kiểm tra thường xuyên về VSAT TP trên địa bàn, cơ bản các hộ đều thực hiện đầy đủ các quy định 100% các hộ đều thực hiện nghiêm túc.

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 82,6%; kinh doanh vật tư nông nghiệp, nuôi trồng 02 hộ đạt yêu cầu; cây ăn quả, trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, được cấp giấy chứng nhận VietGAP 01 HTX rau củ quả Đức Mạnh.

2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

Giá trị, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2022 đạt 3,16 %/năm,

- Tình hình phát triển ngành nghề: có 04 cơ sở sản xuất nghề mộc, 01 HTX nhôm kính Thọ Huệ và 10 cơ sở nhôm kính, 10 tổ thợ xây, 04 cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng,

quy mô vừa, có từ 5 đến 7 lao động ở các cơ sở, thu nhập bình quân 7 triệu đồng/người/tháng. hiện nay trên địa bàn có 550 hộ buôn bán, kinh doanh trên địa bàn.

- Kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Năm 2021 Rượu Sim Tùng Việt đạt 3 sao. Năm 2022 đang đề xuất Bún sạch An Tâm để thẩm định.

3. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

Giá trị thương mại, dịch vụ thu nhập năm 2020 đạt 54,21 triệu đồng; năm 2021 đạt 54,6 triệu đồng; năm 2022 đạt 56,6 triệu đồng

- Giá trị, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2022 ước đạt 12%/năm, Cơ cấu kinh tế (Thể hiện qua tỷ trọng giá trị thương mại – dịch vụ năm 2020 đến 2022).

- Tiếp tục mở rộng các ngành nghề thương mại dịch vụ trên địa bàn, khảo sát và thực hiện quy hoạch chợ đầu mối Thạch Hạ, xây dựng và quản lý quy hoạch dịch vụ ẩm thực, sinh thái vùng Đông Ghè thành ẩm thực đặc sản từ sản phẩm nuôi trồng thủy sản của địa phương, đẩy mạnh cuộc vận động “ người Việt Nam Ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Tiếp tục mở rộng ngành nghề thương mại dịch vụ trên địa bàn, phát huy có hiệu quả kinh doanh có 8 hộ nhà hàng hải sản, có 54 hộ nuôi trồng thủy sản, 20 hộ đánh bắt thủy hải sản. Lao động tham gia cho các nhà hàng trên địa bàn chiếm trên 100 lao động, thu nhập bình quân của lao động 5 – 6 triệu/tháng/người. Có 15 hộ buôn bán các mặt hàng tạp hóa, 7 hộ buôn bán lương thực thực phẩm, 20 hộ làm dịch vụ ăn uống, 5 hộ buôn bán phân bón, 03 hộ bán thuốc bảo vệ thực vật.

- Du lịch nông thôn: Tiềm năng lợi thế phát triển du lịch nông thôn tại mô hình 3 trong 1 tại thôn Liên Nhật và mô hình khu du lịch sinh thái Đông Ghè được quảng bá hình ảnh du lịch nông thôn và hướng hình thành các các tour tuyến du lịch NTM, trải nghiệm làm người nông dân xưa và nay tham quan đánh bắt NTTTS, tôm 3 giai đoạn, cua 2 giai đoạn, mô hình trồng rau thủy sinh, Dưa lưới, chợ quê...);

4. Về đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

a) Hiện trạng các HTX: có 5 HTX Gồm: HTX dịch vụ Nông nghiệp; HTX dịch vụ tổng hợp Liên Nhật; HTX nuôi trồng thủy sản Hạ Vàng; HTX rau củ quả Đức Mạnh; HTX nhôm kính Thọ Huệ. Trong đó có 03 HTX nông nghiệp, 02 HTX phi nông nghiệp.

- Có 05 sản phẩm các loại như Tôm, cá, rượu sim Tùng Việt, Bún sạch An Tâm, Tương ớt Bà Thảo.

- Tình hình hoạt động của các HTX: Trung bình mỗi HTX có 7 xã viên/HTX; doanh số đạt được/năm, đưa lại lợi nhuận cao.

Đánh giá cụ thể từng hợp tác xã như sau:

- HTX dịch vụ Nông nghiệp có 07 xã viên, thu nhập mỗi năm gần 2 tỷ, đánh giá chung: HTX làm ăn có lãi.

- HTX dịch vụ tổng hợp Liên Nhật mới thành lập nên chưa đánh giá

- HTX NTTTS Hạ Vàng có 07 xã viên, doanh thu trên 2 tỷ đồng, đánh giá lãi (HTX mới thành lập năm 2022);

- HTX rau củ quả có 07 xã viên, doanh thu hơn 2 tỷ đồng/năm; được đánh giá có lãi.

b) Hiện trạng các Tổ hợp tác

Tổ hợp tác về quy mô sử dụng lao động, thu nhập bình quân lao động 5 triệu/tháng, mức độ ổn định công việc của từng tổ hợp tác hoạt động trên các lĩnh vực như xây dựng, chăn nuôi, chế biến, làm cơ khí, làm đất

c) Hoạt động các Doanh nghiệp: Trên địa bàn hiện có 60 doanh nghiệp, công ty về các lĩnh vực hoạt động như: Xây dựng, sản xuất, chế biến, khai thác, buôn bán. Với quy mô hoạt động đa ngành nghề, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động có thu nhập ổn định. Các Doanh nghiệp đã thực hiện đóng thuế vào ngân sách nhà nước đúng quy định.

Tổng hộ Cá thể trên địa bàn là 618 hộ. Trong đó thu nhập từ 100 đến 500 triệu/năm/hộ trở lên 312 hộ.

d) Kinh tế trang trại

Đến nay đã có 03 trang trại hoạt động hiệu quả gồm (Trang trại Thủy sản Nguyễn Sông Hàn; Trang trại chăn nuôi Hoàng Thị Yên; Trang Trại chăn nuôi Trương Văn Liễu)

Đánh giá số lượng trang trại theo thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT. Các trang trại này có rất nhiều lợi thế về quy mô, đất đai, cơ sở hạ tầng và áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất và kinh doanh. Nguồn thu nhập hàng năm của các trang trại này từ 2 tỷ đồng trở lên.

5. Ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông thôn :

- Đánh giá sơ bộ tình hình ứng dụng chuyển đổi số:

Thực hiện Quyết định số 749 ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Thực hiện các chủ trương, đường lối và chủ trương của cấp trên. UBND xã đã nỗ lực triển khai chuyển đổi số để phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy năm 2023 là năm thực hiện chủ đề về Chuyển đổi số của thành phố, địa phương xác định là năm bản lề của giai đoạn 2021 – 2025. Tập trung tăng tốc cao ứng chuyển đổi số khi công nghệ số được ứng dụng để phát triển, với nhiệm vụ trọng tâm đẩy mạnh để đưa người dân lên các nền tảng số; đẩy mạnh triển khai Đề án 06 của Chính phủ, phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

Xã đang triển khai để ứng dụng các mô hình, HTX ứng dụng chuyển đổi số, đưa các sản phẩm quảng bá hình ảnh, điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội; sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử và được thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm. Thiết lập mã số vùng trồng của từng sản phẩm. Tuy nhiên xã đang triển khai, mới có 01 HTX Đức Mạnh đã được ứng dụng sản phẩm dưa lưới, rau củ quả; HTX tổng hợp Liên Nhật và HTX NTTS Hạ Vàng đang hoàn thiện hồ sơ.

III. THỰC TRẠNG HẠ TẦNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Về hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng

1.1. Hệ thống giao thông, kênh mương nội đồng:

+ Đường giao thông trục chính: xã Thạch Hạ hiện có 03 tuyến đường trục chính chạy qua địa bàn: Đường Quang Trung đoạn qua địa bàn có chiều dài 3,6km có nền đường rộng 35m, mặt đường rộng 14m; đường Ngô Quyền đoạn qua địa bàn có chiều dài 1,4km có nền đường rộng 42m, mặt đường rộng 18m; đường Mai Lão Bạng đoạn qua địa bàn có chiều dài 1,6km có nền đường rộng 18m, mặt đường rộng 9m.

+ Đường giao thông trục thôn: gồm 62 tuyến ở 11 thôn, với tổng chiều dài 29,05km, đã được bê tông hóa 100%, và một phần được nâng cấp bằng thảm nhựa, với quy mô bình quân nền đường rộng từ 6-10m.

+ Đường ngõ xóm: gồm 117 tuyến ở 11 thôn, với tổng chiều dài 12,35km, đã được bê tông hóa 100%, với quy mô bình quân nền đường rộng từ 3-5m.

+ Đường trục chính giao thông nội đồng: đã cứng hóa 16,08km đạt 100% đường trục chính nội đồng, trong đó 15,56km/16,08km đã được bê tông hóa.

- Kênh mương nội đồng: đã kiên cố hóa 24,8km/25,94km Kênh mương nội đồng.

Hệ thống mương thoát chính: hệ thống mương Cồn Chỏi (từ thôn Tân Lộc đến hồ Ghè), Mương Tiêu dọc hồ Ghè (từ hồ Nghem đến hồ Ghè), Mương Tiêu Đập Hội (từ thôn Minh Yên ra cống Hà Nhật); mương tiêu vụng Học (từ thôn Liên Nhật ra hồ Ghè). Nước chủ yếu thu về các tuyến mương này để thoát qua 2 cống đê Hạ Nhật (thôn Đông Đoài) và cống Hói Tuần (thôn Liên Hà).

1.2. Xã có 05 trạm bơm gồm Trạm bơm Vụng Đại (Liên Hà), Trạm bơm Cồn Cồ (Thạch Trung), Trạm bơm Sác Lau, Trạm bơm Cồn Thờ, Trạm bơm Vụng Lỡ. 01 trạm bơm lưu động.

1.3. Hồ chứa nước phục vụ nông nghiệp:

Hồ Ghè:

- Dung tích trữ nước: 387.257m³

- Hồ được xây dựng trên một vùng trũng có diện tích 184.408m² chủ yếu để trữ nguồn nước tự nhiên tại chỗ (Nước mưa) và nguồn nước nhân rồi từ hồ Kẻ Gõ.

Hồ Đập Lộng:

- Dung tích trữ nước: 75.000m³. Có diện tích 50.000m² chủ yếu để trữ nguồn nước tự nhiên tại chỗ (Nước mưa).

1.4. Có 7 cống tưới tiêu phục vụ sản xuất gồm: 02 cống đê Hói Tuần và Hạ Nhật, 02 cống quai sanh Ghè và cống Đập Hội; cống hồ Ghè; cống Hồ Lắng; Cống Thảo.

Khá thuận lợi cho việc cấp thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các vùng. Thời gian qua, địa phương đã xây dựng, triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp, tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, xây dựng cánh đồng lớn đưa một số loại giống có năng suất, hợp với thổ nhưỡng của từng

vùng vào sản xuất, các mô hình kinh tế phát triển, theo hướng tăng thu nhập trên diện tích canh tác đã đem lại hiệu quả đạt cao hơn.

2. Về hạ tầng điện:

Hệ thống điện chạy qua địa bàn xã là các tuyến trung áp trong khu vực chủ yếu là tuyến 22kv với chiều dài 7,6km. Gồm các tuyến chạy dọc các tuyến đường Quang Trung; tuyến đường Ngô Quyền; tuyến đường Mai Lão Bạng; tuyến nhánh rẽ từ UB xã đi qua thôn Liên Hà ra trạm Hải đội 2; và tuyến ra vùng sản xuất nông nghiệp, NTTS Ghè.

- Mạng lưới trạm với 11 Trạm biến áp với công suất từ 110KvA-250KvA và đường dây đảm bảo cấp điện cho các khu vực dân sinh và sản xuất nông nghiệp.

IV. THUẬN LỢI, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Thuận lợi

Các địa phương căn cứ tình hình thực tế nêu thuận lợi của xã ví dụ trên các nội dung như sau:

Những lợi thế: Hàng năm việc sản xuất nông nghiệp được cấp uỷ chính quyền quan tâm, hệ thống cơ sở hạ tầng thuỷ lợi tưới, tiêu được nâng cấp đầu tư cơ bản, một số vùng đất đai tương đối phì nhiêu thuận tiện cho việc SX thâm canh tăng mùa vụ, phía Bắc giáp với sông rào cái có diện tích ao hồ tương đối nhiều rất thuận lợi cho việc phát triển về nuôi trồng thủy, hải sản, người dân chuyên cần chịu khó, hàng năm được tập huấn nâng cao kiến thức phục vụ sản xuất; bộ phận cán bộ khuyến nông từ xã đến thôn được trang bị kiến thức cơ bản và có tâm huyết đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ, sản phẩm làm ra cơ bản đáp ứng với nhu cầu lương thực trên đầu người của dân số địa phương.

- Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, khá thuận tiện cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ, phát triển kinh tế, xã hội; lao động hàng năm được đào tạo nghề theo nhu cầu tình hình thực tế, các ngành nghề phát triển đã tạo công ăn việc làm cho các lao động thu nhập ổn định...

- Về mối liên hệ kinh tế xã hội giữa các vùng tại các thôn trên địa bàn; các vùng đều có vị trí địa lý giống nhau, đất đai canh tác được chia đều trên các vùng, đường sá, mương máng cầu cống đảm bảo phục vụ cho việc đi lại sản xuất của nhân dân.

- Về các bản sắc truyền thống của địa phương, địa bàn có hơn 61% là giáo dân nhưng trong quá trình hoạt động tín ngưỡng được cấp uỷ chính quyền địa phương quan tâm, đầu tư xây dựng thánh đường, tôn tạo lại các chùa chiền, miếu mạo, di tích lịch sử đáp ứng nhu cầu của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân hoạt động tín ngưỡng, đúng quy định, nhân dân lương giáo đoàn kết một lòng, giúp nhau phát triển kinh tế, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

- Sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của các cấp.

- Cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông thôn.

- Nhiều ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đang rất cần lao động,...

2. Tồn tại, hạn chế

Nêu những tồn tại, hạn chế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng thấp; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm; Thu nhập và đời sống người dân thấp; một số lĩnh vực gặp khó khăn, năng suất, sản lượng giảm; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn chưa tạo được sự đột phá; Hạ tầng nông thôn chưa đồng bộ; Giá trị văn hóa truyền thống, di sản của địa phương chưa trở thành động lực của phát triển kinh tế;...

Quá trình xây dựng và phát triển, gắn liền với quá trình đô thị hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của sự phát triển đô thị. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay xã Thạch Hạ chưa có quy hoạch phân khu nên công tác hoạch định, quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị sẽ rất khó khăn, không đồng bộ, có thể dẫn đến phát triển không đồng đều và không thống nhất. Ngoài ra cơ sở hạ tầng của xã vẫn chưa bắt kịp so với các phường trung tâm trong Thành phố.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém: Sử dụng đất đai chưa hợp lý, còn để đất đai hoang hoá; cơ cấu kinh tế nông nghiệp và ngành nghề nông thôn chuyển dịch chậm; sản xuất còn manh mún, tự phát, thiếu ổn định và quy mô sản xuất nhỏ lẻ và phân tán; trình độ sản xuất không đồng đều, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, khả năng cạnh tranh chưa đáp ứng. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ cao như: Sử dụng giống mới, kỹ thuật canh tác bền vững, sản xuất gắn kết với thị trường và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa còn hạn chế. Chính vì vậy, giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị diện tích canh tác còn thấp. Công nghiệp chế biến nông sản, nhất là công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch phát triển chậm. Thu nhập của người lao động khu vực nông thôn đạt còn thấp và chịu nhiều rủi ro lớn, thua thiệt nhiều so với lao động ở các khu vực kinh tế khác

2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Khách quan

Thổ nhưỡng đất phèn chua nhiễm mặn chiếm 1/5 diện tích, địa hình bậc thang, diện tích các hộ còn manh mún, địa bàn xã lại nằm cuối nguồn nước kẻ gõ. Cùng với các địa phương khác nằm chung trong khu vực Miền Trung, đây là vùng chịu chung ảnh hưởng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, hạn hán, lũ lụt, thiên tai, khí hậu thất thường rất dễ cho các loại sâu, dịch bệnh phát triển, gây hại.

- Chủ quan. Tư duy sản xuất truyền thống vẫn còn, trình độ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn KHKT đã có, song chưa đáp ứng được với nhiệm vụ cần thiết trong đổi mới nền sản xuất hiện nay. Bên cạnh đó người dân không mặn mà với đồng ruộng vì thực trạng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp thu nhập đạt thấp so với ngành, nghề khác; kiến thức tiếp cận với các loại giống cây, con mới chưa đồng đều, dẫn đến vẫn ngại đầu tư cho sản xuất, chăn nuôi, đầu ra cho sản phẩm đang còn lúng túng phần nào đã làm hạn chế đến lĩnh vực này.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM

Quan điểm của Tỉnh: Nghị quyết 19 đặt ra mục tiêu tổng quát đến năm 2030, nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nghị quyết 19 đề ra 9 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như: nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn; phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái; ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến; phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn...

Quan điểm của thành phố: Để thực hiện thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2021, theo tinh thần Nghị quyết 01- NQ/Th.U ngày 01/8/2020 của Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Chỉ thị số 08-CT/Th.U ngày 11/3/2021 về về tăng cường chỉ đạo, lãnh đạo phát triển sản xuất nông nghiệp năm 2021 và Chỉ thị số 19-CT/Th.U ngày 10/8 về việc tích tụ, tập trung đất đai, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi để phát triển kinh tế nông nghiệp đô thị. HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của HĐND Thành phố Hà Tĩnh về một số cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp đô thị và quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2023.

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các văn bản và tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2021, đề án sản xuất vụ Xuân, Hè Thu và tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Đông đạt kế hoạch; xây dựng Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 17/8/2021 về phát triển nông nghiệp đô thị thành phố Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025; ban hành Văn bản số 2219/HD-UBND ngày 01/9/2021 của UBND Thành phố hướng dẫn triển khai thực hiện một số cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp đô thị; xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2023.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Gợi ý một số mục tiêu chung cần đạt được: Kinh tế nông thôn phát triển toàn diện (nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả, sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo hướng tích hợp đa giá trị; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn phát

triển gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và đa dạng nguồn thu nhập cho cư dân nông thôn)

Xây dựng và phát triển sản xuất hàng hoá nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường và phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành; xây dựng và phát triển thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích góp phần hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế ngành nông- lâm nghiệp, thủy sản bình quân 4,5%/năm.

Tập trung các nguồn lực, sức mạnh để phát triển kinh tế, đầu tư thâm canh, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng năng suất lao động, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chuyển một số diện tích đất lâm nghiệp, đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây công nghiệp dài ngày, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả tại vùng ghè, tại các vườn hộ, cây rau, màu, thực phẩm... làm cho kinh tế phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá, lấy dịch vụ du lịch tổng hợp làm trọng tâm, kinh tế trang trại làm mũi nhọn kết hợp với đẩy mạnh kinh tế hộ, HTX, nhằm ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, làm cho nhân dân giàu lên nhờ kinh tế trang trại, du lịch, dịch vụ, TTCN, nhằm xây dựng Thạch Hạ phát triển toàn diện xứng tầm của một xã NTM Kiểu mẫu; tạo bước phát triển mới về lực lượng sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, nâng cao hiệu quả kinh tế các hoạt động sản xuất và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo tốc độ tăng trưởng nhanh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và năm 2030:

- Về tổng giá trị sản phẩm hàng hóa dịch vụ 396.517 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 12% (Nông nghiệp – công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn – thương mại, dịch vụ);

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; tỷ lệ sản phẩm đạt chuẩn áp dụng quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương; số sản phẩm được chứng nhận đạt chuẩn OCOP 03 sản phẩm.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 100 triệu/người/năm; tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề hàng năm đạt 50%;

- Tiếp tục nâng cao hình thức “Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn” theo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025.

Phát triển một số mô hình: Nuôi tôm 3 giai đoạn; mô hình cá lúa của HTX Liên Nhật; mô hình nuôi tôm giống của Viện Hải Dương học; mô hình của Vingrup, mô hình du lịch Homestay trải nghiệm nông thôn mới tại đồng ghè.

Tích tụ thêm 62ha ruộng đất để đưa vào sản xuất cánh đồng lớn, đưa các loại giống có năng suất cao vào sản xuất tăng thu nhập trên diện tích canh tác.

Phát huy 5ha trồng rau các loại thâm canh tăng năng suất, trong đó xây dựng 02 mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao;

Cải tạo, trồng bổ sung tăng năng suất 1000 cây ăn quả (gồm cây cam, hồng, Bưởi da xanh, vú sữa Hoàng Kim ở ườn hộ các thôn, sản xuất theo quy trình VietGAP 100 ha.

2.2. Phân đầu đến năm 2025, có 05 trang trại nuôi tôm 3 giai đoạn, chuyên 20ha ta nuôi tôm từ quảng canh, sanh thâm canh, theo hướng nuôi tôm sinh học.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Trên cơ sở gợi ý chung yêu cầu các địa phương căn cứ tình hình thực tế xây dựng nhiệm vụ cụ thể phù hợp)

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững

Trên cơ sở những định hướng chung về phát triển nông nghiệp của huyện, của tỉnh, các xã cụ thể hóa vào nhiệm vụ của xã

1.1. Trồng trọt:

+ Công tác quy hoạch:

- * Quy hoạch cây con chủ lực để bố trí cây trồng hợp lý đáp ứng sản xuất hàng hoá;
- * Quy hoạch vùng lúa thâm canh đạt năng suất cao với diện tích khoảng 150 ha (Liên Hà; Liên Thanh, Liên Nhật, Tân Lộc; Minh Yên, Đông Đoài)
- * Đưa hệ thống thuỷ lợi sang vùng ghè để phát triển diện tích 2 lúa 40ha.
- * Tích tụ, tập trung ruộng đất, để sản xuất 2 lúa tại vùng Cầu Trai, Cửa Cống, Đồng Vơ, Đập Hội.

* Phát triển vùng cây công nghiệp ngắn ngày với diện tích 90ha tại các xứ đồng như: Thiện Tâm Liên Hà; Thành Đông Tân Lộc, phát huy vùng trồng rau Đồi Lày của Liên Nhật, Vườn Hè, đồng Tràng, Chăn nuôi thôn Hạ, vùng Bà Doan Minh Yên, cồn dài Đông Đoài... chú trọng các loại cây Lạc, Đậu, Vừng...

Trước mắt mở rộng một số mô hình để làm thử nghiệm năm 2023 - 2025 gồm 7 ha trồng cây hàng hoá, Lạc cao sản, đậu, vừng. Trong đó 1,4 trồng bí xanh, rau củ quả ở vùng Đồi Lày thuộc thôn Liên Nhật, Minh Tiên, 3,6 ha vùng Bà Doan, Nhà Động, Đông Đoài, Minh Yên, Vườn Hè Thôn Hạ; 2ha vùng Vườn Hùng, Thiện Tâm thôn Liên Hà, hoa Hướng Dương xung quanh khu vực nhà lưới, trồng Hoa Ly, rau củ quả ở vùng Thành Đông thôn Tân Lộc, trồng mới 2ha Sen vùng (Ngọ Nhiệm).

- Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nhân rộng các mô hình dồn điền đổi thửa, tập trung, tích tụ ruộng đất, hình thành các cánh đồng lớn, vùng sản xuất chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn như: Trồng lúa (lúa giống và lúa thương phẩm), ngô, lạc, rau củ quả các loại, nấm ăn, dược liệu, cây ăn quả ... đảm bảo được nguồn cung cấp nguyên liệu, sản phẩm có chất lượng cho hoạt động chế biến, thị trường tiêu thụ lớn.

- Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các sản phẩm hữu cơ chủ lực Lúa cao sản ST 25 và thử nghiệm một số loại giống lúa Lộc Trời chống nhiễm mặn, một số giống lúa có năng suất cao hợp với Thổ nhưỡng đưa vào sản xuất;

- Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ mới vào sản xuất rau, củ, quả;

- Phát triển các chuỗi liên kết mô hình Dưa lưới của HTX Đức Mạnh, mô hình trồng rau của Hội Nông dân, Hội LHPN xã;

- Xây dựng mô hình tích hợp đa giá trị, Công viên Nông nghiệp tại vùng đồng Ghè của HTX dịch vụ nông nghiệp và HTX dịch vụ tổng hợp Liên Nhật.

- Khuyến khích các hộ sản xuất, kinh doanh giỏi thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đầu tư phát triển thành gia trại, trang trại; các hộ sản xuất, kinh doanh liên kết thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp để phát triển sản xuất tập trung với quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Hỗ trợ các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông, lâm nghiệp theo định hướng của tỉnh.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình cung ứng dịch vụ đầu vào, ký liên kết với các Doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm đầu ra phục vụ sản xuất nông nghiệp:

1.2. Chăn nuôi:

- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, chế biến và tiêu thụ. Đồng thời khuyến khích chăn nuôi nông hộ có cải tiến theo hướng chuyên nghiệp hóa, chăn nuôi hữu cơ, hướng hữu cơ.

Duy trì đàn gia súc 560 con, gia cầm phát triển đàn gia cầm 70.000 con/năm; Hỗ trợ tiêm phòng, chế phẩm Hitamic tại các trang trại tập trung và các hộ xử lý đảm bảo VSMT. Không khuyến cáo chăn nuôi gia súc trong khu dân cư.

1.2. Nuôi trồng thủy sản

Phát triển NTTS 120 ha. Nâng cấp và đưa diện tích tôm công nghiệp 20 ha/năm 2023 tại vùng Ghè và Hồng Hà vào sản xuất và đến năm 2025 = 60 ha.

Quy mô nuôi trồng thủy sản: Nuôi CN 20 ha, Tôm he chân trắng sản lượng 6 - 10 tấn/ha; Nuôi bán thâm canh, Tôm Sú: 40ha sản lượng 1,2 tấn/1 ha; Nuôi xen ghép các loại thủy sản: 26ha, các loại giống chủ lực; Cua, cá Chém, cá Chim vây vàng, cá Đồi mục sản lượng: 0,8 tấn/ha, nuôi Tôm thẻ 03 giai đoạn.

- Chỉ tiêu giai đoạn: 2023 = 360 tấn/năm; định hướng những năm tiếp theo 440 đến 600 tấn/năm trở lên.

Giao HND và ban khuyến nông rà soát lại từng nhóm mô hình để có giải pháp cụ thể mở rộng quy mô sản xuất; kết nối đầu ra sản phẩm; xây dựng thương hiệu; xây dựng các cửa hàng nông sản để tiêu thụ, quảng bá sản phẩm của Thạch Hạ.

Tổ chức tập huấn chuyên giao KHKT, định hướng thị trường tiêu thụ, hướng đến sản xuất ra sản phẩm sạch, an toàn cho người tiêu dùng.

- Phát triển đối tượng vật nuôi có lợi thế, tổ chức chăn nuôi phù hợp với kinh tế thị trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững môi trường, an toàn sinh học và dịch bệnh.

- Ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất chăn nuôi; tổ chức sản xuất chăn nuôi theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình thực hành sản xuất tốt và tương đương; thực hiện chuyên đổi số trong sản xuất chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

d) Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả

Tập trung phát triển kinh tế vườn “Vườn Mẫu”, kinh tế trang trại, chỉnh trang vườn hộ, đảm bảo theo tiêu chí Nông thôn mới kiểu mẫu. Vận dụng các cơ chế hỗ trợ của các cấp để XD vườn mẫu, chỉnh trang vườn hộ đạt 100 %;

Bảo quản tốt 36ha rừng ngập mặn, cấm săn bắt chim trời tạo không gian, cảnh quan môi trường, tạo cảnh đẹp cho khu du lịch sinh thái.

2. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn và thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP

- Thực hiện Chương trình OCOP. Duy trì sản phẩm riêu Sim Tùng Việt, xây dựng sản phẩm Bún An Tâm, Tương ớt Bà Hồng đạt 3 sao.

+ Phát triển các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP Dưa Lưới, Nõn tôm, Nước mắm gắn với phát triển du lịch nông thôn là một hướng đi hiệu quả phát huy lợi thế của nông nghiệp, nông thôn, vừa xây dựng chuỗi giá trị du lịch nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững.

3. Tổ chức tốt các hoạt động thương mại, dịch vụ và phát triển du lịch nông thôn

- Tập trung phát triển đa dạng các loại hình thương mại - dịch vụ trên địa bàn nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt, nhu cầu tiêu dùng, vật tư phục vụ sản xuất cho người dân, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân;

- Lựa chọn những loại hình có ưu thế tại địa phương để tập trung đầu tư theo quy hoạch đã được duyệt; Đưa các nhà hàng Hải sản về khu ẩm thực Đồng Ghè, xây dựng công viên nông nghiệp, khu vui chơi giải trí, trải nghiệm nông thôn mới tại khu du lịch sinh thái,

- Các hoạt động kinh doanh, dịch vụ thương mại bám sát việc sản xuất hàng hoá ở các vùng sản xuất chuyên canh nuôi trồng, cây ăn quả, chăn nuôi, chế biến... tại các khu thương mại dịch vụ trên địa bàn các huyện, phát triển các cơ sở thu mua, phân loại, sơ chế, đóng gói, thu gom hàng hoá từ các hộ sản xuất cung cấp cho các nhà máy chế biến hoặc các doanh nghiệp lớn.

- Khai thác tiềm năng tối đa về dịch vụ du lịch sinh thái; chú trọng khai thác du lịch gắn với làng nghề, các nghề truyền thống; khai thác du lịch Homestay. Triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Phát triển nông nghiệp tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong nông nghiệp và phát triển nông nghiệp, nông thôn du lịch (bao gồm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề).

- Phát triển mô hình “Làng nông nghiệp đô thị” hài hòa trong chuỗi mắc xích nông thôn gắn với đô thị.

4. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn

4.1. Thủy lợi. Tổng 5.604m

Triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng kênh tưới, kiên cố hoá 100% kênh chính, kênh nội đồng. Riêng khu sản xuất lúa chất lượng cao 4 km kênh nội đồng vùng Ghè.

- + Nâng cấp Tuyến vành đai Liên Thanh dài 529m (theo CTMT 2020)
- + Nâng cấp Tuyến vườn Hè, đồng Tràng dài 200m (theo CTMT 2020)
- + Nâng cấp tuyến Vành đai hồ Ghè (còn 1 đoạn) dài 630m
- + Nâng cấp tuyến ông Hạnh đến đồng Vơ dài 245m

4.2. Giao thông nội đồng: Tổng 1.990m.

Xây dựng hệ thống giao thông nội đồng cơ bản đáp ứng cơ giới ra tận ruộng sản xuất. Tiếp tục triển khai đờ bê tông trục đường chính, đường nội đồng, tiếp tục đắp nền các tuyến còn lại ở một số vùng.

+ Nâng cấp tuyến mương thoát lũ Đồng Vơ – Đập Công dài 500m

+ Nâng cấp tuyến mương tiêu Liên Nhật đi cống Ghè với chiều dài 630m (đoạn từ hồ Ghè ra Cống Ghè): dự án của TP.

+ Nâng cấp tuyến Cồn Diệc đến Đập Công dài 480m.

+ Nâng cấp tuyến Vụng xe dài 110m.

+ Nâng cấp tuyến Cầu Trai dài 100m.

+ Nâng cấp Cửa Chợ dài 170m.

+ Nâng cấp tuyến Sác Động dài 110m

4.3. Điện sản xuất:

Kêu gọi dự án, đề nghị các cấp hỗ trợ ngân sách nâng cấp các tuyến điện phục vụ các vùng nuôi, đảm bảo công tác bơm tưới sản xuất tại các vùng rau hoa, trồng cây công nghiệp.

4.4. Cải tạo đồng ruộng:

Quy hoạch vùng chuyên canh, thâm canh để đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật và giống mới vào sản xuất cụ thể: Vùng lúa thâm canh đạt năng suất cao với diện tích khoảng 180 ha tại các xứ đồng;

Đưa vùng Cầu Trai, Cửa Cống vào để kêu gọi HTX thực hiện mô hình tích tụ ruộng đất. Làm cánh đồng lớn.

4.5. Ước tính hỗ trợ máy để san sửa liền vùng, liền thửa xây dựng cánh đồng lớn tại các vùng: Thuê máy có hai loại, loại 3,3 triệu/ca, loại 2,8 triệu trên ca. 01ha hết 1,5 ca.

+ Máy lớn 3,3 triệu/ca; 1,5 ca/ha = 4.950.000đ/ha = 247.500đ/sào.

+ Máy nhỏ 2,8 triệu/ca; 1,5 ca/ha = 4.200.000đ/ha = 210.000đ/sào.

- Áp dụng các cơ chế chính sách hỗ trợ của HĐND Tỉnh, của HĐND thành phố, phần còn lại ngân sách địa phương hỗ trợ.

4.4. Các cơ sở hạ tầng khác

- Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến sản phẩm; Xây dựng gian hàng sản phẩm của địa phương.

- Phát triển hệ thống chợ Đầu mối tại phía nam cầu Hộ Độ, kết hợp với cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến thủy sản theo định hướng quy hoạch, bảo đảm đồng bộ và từng bước hiện đại.

- Xây dựng nhà kho, sân phơi để sản xuất lúa giống tại HTX dịch vụ Nông nghiệp.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ tại các tuyến đường mẫu, phục vụ khu du lịch sinh thái. Xây dựng bãi đậu xe tập trung phục vụ khu du lịch sinh thái và khu ẩm thực. Xây dựng khu vui chơi giải trí, nhà tổ chức sự kiện tại vùng Ghè ...

5. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

5.1. Các loại hình hợp tác xã

- Phân đầu thành lập mới 3 HTX; củng cố hoạt động 2 HTX DVNN và 3 HTX phi nông nghiệp. Có 3 HTX hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Gắn hoạt động của HTX nuôi trồng thủy sản, HTX Đức mạnh, HTX dịch vụ tổng hợp Liên Nhật với phát triển các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị và tham gia các hoạt động dịch vụ, ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

- Đổi mới, phát triển HTX trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Thông qua việc nâng cao năng lực HTX, tái cơ cấu bộ máy HTX, tái cơ cấu các hoạt động của HTX, cụ thể: Cấu trúc lại HTX; thúc đẩy liên kết; nâng cao năng lực quản trị và điều hành HTX: Ứng dụng công cụ trực tuyến để trao đổi thông tin, họp, ra quyết định tập thể, đào tạo, tuyên truyền, tư vấn và nhận tư vấn; nâng cao kỹ năng xúc tiến, đàm phán kinh doanh; nâng cao năng lực tiếp cận thị trường.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của TW, Tỉnh, Thành phố và địa phương về khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ đào tạo cán bộ, vay vốn tín dụng, hỗ trợ áp dụng công nghệ mới; đất đai để làm trụ sở, xây dựng cơ sở dịch vụ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm các mặt hàng chủ lực...

+ Xây dựng các mô hình kinh tế các loại; trong đó có 03 đến 05 mô hình có doanh thu từ 500 triệu đến 2 tỷ đồng/năm.

+ Duy trì tạo điều kiện để các HTX, DN phát triển. Thành lập mới các HTX, THT, DN như: HTX, THT nuôi trồng thủy sản; Doanh nghiệp TMDV DL, HTX vận tải...

Đảm bảo các hoạt động của các loại hình HTX sản xuất và kinh doanh có hiệu quả thu hút khoảng 250 lao động.

5.2. Kinh tế trang trại

+ Duy trì trang trại của các hộ đã có vị trí chăn nuôi ổn định.

+ Tiếp tục thành lập 3 trang trại: 01 nuôi trồng thủy, hải sản; 02 trang trại tổng hợp chăn nuôi, trồng trọt.

5.3. Kinh tế hộ gia đình:

Phát huy hết tiềm năng khu ẩm thực vùng Ghè, tạo điều kiện cho các hộ mở nhà hàng kinh doanh, dịch vụ, hải sản, nhà nghỉ, khu vui chơi, giải trí phục vụ tua tuyến du lịch trải nghiệm Nông thôn mới.

Phân đầu 95% số hộ gia đình đang trong độ tuổi, sắp xếp lao động hợp lý trong sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập.

- Xây dựng các khu kinh tế trang trại tại khu vực Đồng Ghè, quy mô 54 ha; dự kiến bố trí các loại hình trang trại chuyên canh: Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản....

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của TW và địa phương về khuyến khích, hỗ trợ phát triển trang trại, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống xử lý môi trường; tập huấn quản lý sản xuất, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho các chủ trang trại, hỗ trợ vốn vay ưu đãi....

Các HTX phải tích cực vươn lên, thể hiện được vai trò “bà đỡ” cho kinh tế hộ, nhất là làm tốt các dịch vụ, giúp kinh tế hộ giải quyết “đầu vào, đầu ra” trong sản xuất.

5.4. Hoạt động các doanh nghiệp

- Ổn định hoạt động các doanh nghiệp đã có, tạo điều kiện tốt nhất, để đến 2030 có ít nhất 20 doanh nghiệp thành lập hoạt động trên các lĩnh vực như: Cơ khí, Mộc dân dụng; xây dựng, chế biến nông, thủy sản, dịch vụ thương mại... bình quân mỗi doanh nghiệp giải quyết được 20 lao động, phân đầu tạo thu nhập ổn định cho người lao động 7 triệu đồng/tháng. Mời gọi các doanh nghiệp vào địa phương để liên kết- liên doanh trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, các công ty giống cây, con, vật tư nông nghiệp....

- Tạo điều kiện cơ sở mặt bằng để doanh nghiệp vào sản xuất; nhất là giải quyết nhanh các thủ tục hành chính có liên quan và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Tổ chức các buổi gặp mặt, thông tin, giới thiệu về định hướng phát triển kinh tế của xã, kêu gọi con em địa phương làm ăn ở các nơi mạnh dạn, tham gia về đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

(Trên cơ sở gợi ý về các giải pháp dưới đây, các địa phương căn cứ tình hình thực tế đề xuất giải pháp phù hợp)

1. Rà soát lại quy hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch đã được phê duyệt

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phân khu, thực hiện quy hoạch khu du lịch sinh thái vùng Ghè, khu ẩm thực, chợ đầu mối Hải sản, để thực hiện có hiệu quả.

- Trên cơ sở Quy hoạch đã được phê duyệt tổ chức thực hiện, thường xuyên nâng cao chất lượng và tăng cường công tác quản lý quy hoạch;

- Xây dựng các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất, xác định các công trình hạ tầng ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã.

2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tập huấn, đào tạo nghề và kiến thức cho nông dân

- Rà soát lao động trong độ tuổi lao động, có nhu cầu làm để tổ chức triển khai phổ cập kiến thức mở các lớp, theo ngành nghề do các lao động có nhu cầu. Thường xuyên tuyên truyền qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống hoạt động, sinh hoạt của các hội, đoàn; để mở các khóa đào tạo, tập huấn;

- Củng cố Tổ khuyến nông cộng đồng tại các thôn;

b) Tập huấn, đào tạo cán bộ quản lý

- Đào tạo, tập huấn cán bộ cấp xã, Ban quản lý HTX, đảm bảo có trình độ, chuyên môn trong quản lý, điều hành, bồi dưỡng cán bộ thôn về xây dựng NTM, sản xuất nông nghiệp đô thị; chủ trương trại về kỹ năng quản lý, kỹ năng đầu tư, công tác tài chính kế toán, xây dựng kế hoạch sản xuất ...

- Về chính sách đối với cán bộ đi học có thể theo hình thức tập trung, tại chức ... kinh phí đi học thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số

- Áp dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học công nghệ nhằm đổi mới quy trình từ quản lý đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ và trang bị các máy móc, hệ thống thiết bị đồng bộ, hiện đại

đề tạo ra những sản phẩm đa dạng về chủng loại, mẫu mã, kiểu dáng và giá thành thấp nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm và có sức cạnh tranh trên thị trường ...

- Đẩy nhanh ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành, phát triển các sản phẩm chủ lực, tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, gắn truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường; quản lý, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch hại, phòng cháy chữa cháy rừng. Khuyến khích doanh nghiệp, Hợp tác xã và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

4. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình điển hình tiên tiến

- Phát triển và đăng ký các “chuỗi giá trị ngành hàng” nông sản chủ lực trên địa bàn xã, để giới thiệu, quảng bá, cạnh tranh thương hiệu trên thị trường; tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị. Doanh nghiệp, HTX giữ vai trò là “trụ cột”, nòng cốt, dẫn dắt; đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị và kinh tế số vào chuỗi giá trị, nông dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng phục vụ để tăng thu nhập. Khuyến khích và tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, hình thành các mô hình hợp tác, liên kết chặt chẽ, bình đẳng tin cậy giữa nông dân và doanh nghiệp, HTX.

- Xây dựng các liên hiệp các HTX có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả. Hỗ trợ HTX mua và phân phối chung vật tư đầu vào, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản đầu ra và cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất bao gồm cả tín dụng. Khuyến khích và hỗ trợ các HTX phát triển thành doanh nghiệp; HTX chủ động xây dựng chuỗi giá trị nông sản.

- Trên cơ sở các tổ chức HTX, cơ bản thực hiện đúng Luật HTX 2012 về quy mô, cơ cấu thành phần, xã viên. Các HTX hoạt động có hiệu quả, biết khai thác tiềm năng sẵn có của địa phương, áp dụng KHKT vào để sản xuất đem lại thu nhập cho HTX. Đã định hướng đúng với thực tế, xác định rõ hướng đi. Đã mạnh dạn đầu tư, liên kết, xây dựng chuỗi sản phẩm để phục vụ thị trường.

- Địa phương tiếp tục quan tâm, hỗ trợ các cơ chế chính sách, tạo mọi điều kiện để cho các HTX phát triển bền vững. Xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến.

5. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu gắn với phát triển sản phẩm OCOP, phát triển du lịch

- Triển khai thực hiện, tuyên truyền Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”;

- Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm chủ lực như: Tôm, Cá, Cua, Dưa lưới, rau, hoa các loại và giúp các HTX đầu tư thử nghiệm các sản phẩm mới, mạnh dạn đăng ký, giới thiệu, liên kết sản phẩm đến nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng trên cả nước. Tăng cường các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm; đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm rau quả hiện đại, phù hợp.

- Giao Hội Nông dân xã phát triển trung tâm trung bày, giới thiệu sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP của địa phương.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các địa phương, cơ quan, đơn vị và hỗ trợ người dân đưa các sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP ra thị trường, đến các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước, sàn thương mại điện tử,...

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng, chủ lực, ngành nghề truyền thống của địa phương; quản lý nhà nước về chất lượng hàng hoá vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống trang thiết bị, kinh phí hoạt động để các tổ chức nông dân và HTX chủ động xây dựng được hệ thống kinh doanh bán sỉ, lẻ phục vụ người tiêu dùng.

- Gắn kết phát triển kinh tế với chương trình phát triển du lịch; xây dựng, mở các tua, tuyến du lịch, đặc trưng của địa phương. Xây dựng địa điểm trình diễn sản phẩm, giới thiệu và bán hàng lưu niệm cho du khách, đồng thời nghiên cứu bảo tồn các di tích lịch sử địa phương; xây dựng các điểm sản xuất thử nghiệm cho du khách tham gia, xây dựng các hộ gia đình tiêu biểu thành các điểm đón khách du lịch Homestay.

6. Tăng cường quản lý nhà nước về VSAT thực phẩm.

- Xây dựng kế hoạch, các quy chế hoạt động, thường xuyên kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm; Quản lý các hộ kinh doanh về giống, vật tư nông nghiệp;

- Thu gom xử lý rác thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, trên các xứ đồng, các khu vực chăn nuôi, nuôi trồng, các điểm kinh doanh đảm bảo vệ sinh môi trường cảnh quan;

- Tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, thực hiện các cơ chế chính sách của các cấp, tạo điều kiện tốt nhất để Tổ thu gom xử lý rác thải hoạt động có hiệu quả.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Lồng ghép các nội dung của đề án, nguồn vốn phù hợp, đúng quy định và phát huy hiệu quả nguồn kinh phí, cụ thể:

- + Nguồn kinh phí hỗ trợ từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình khuyến nông,...;

- + Nguồn kinh phí từ các cơ chế, chính quy định tại các Nghị quyết: số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025, số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, số 215/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hành hóa, dịch vụ Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu hội nhập

quốc tế giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo, số 262/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND về tiếp tục thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của HĐND tỉnh về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh, các nghị quyết khác hiện hành;

- Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của HĐND thành phố về một số cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2023

- Nghị quyết số: 54/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 Ban hành một số cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp đô thị thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hà Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025

- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND xã ngày 05/01/2023 của HĐND xã Bãi bỏ, ban hành một số cơ chế đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, vệ sinh môi trường, văn hóa xã hội và cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc nguồn ngân sách xã giai đoạn năm 2022 -2023.

- Để thực hiện việc tích tụ, tập trung ruộng đất, mua sắm máy móc, dụng cụ sản xuất, tập huấn kiến thức về quản lý điều hành, áp dụng KHKT vào sản xuất chăn nuôi. Dự trù ngân sách được hưởng cơ chế chính sách theo các NQ của các cấp.

- Ngân sách trung ương, tỉnh: 5.500.000.000đ

- Ngân sách cấp thành phố, xã; 10.000.000.000đ

- Nguồn vốn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình; 6.000.000.000đ

- Nguồn vốn tín dụng; 8.000.000.000đ

- Nguồn vốn huy động hợp pháp; 5.000.000.000đ

- Nguồn vốn khác. 5.000.000.000đ

2. Các dự án ưu tiên thực hiện

Tùy theo điều kiện địa phương để đề xuất dự án phù hợp, như:

- Dự án vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản, thủy sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

- Các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

- Các mô hình kinh tế số, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn tại các HTX đang phát triển để đáp ứng sản phẩm sạch, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

- Đề xuất Tỉnh, thành phố quan tâm đến các dự án xây dựng giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất. Ưu tiên và mời gọi các tập thể cá nhân, có điều kiện, mạnh dạn vào đầu tư các mô hình trên địa bàn.

- Các dự án liên kết theo chuỗi giá trị.

- Các dự án liên kết cộng đồng.

- Đầu tư ít nhất 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã (hoặc sản phẩm nông nghiệp chủ lực mang tính chất đặc hữu hoặc sản phẩm OCOP) được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc theo quy định.

- Dự án mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Xây dựng sản phẩm nông sản chủ lực như Dưa lưới; gạo ST 25, tôm thẻ chân trắng của xã được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ... được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận hiệu lực.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Tuyên truyền quán triệt thực hiện kế hoạch:

Mặt trận và các tổ chức đoàn thể tổ chức quán triệt và giao nhiệm vụ cho các đoàn viên, hội viên của mình về nội dung của kế hoạch.

Các thôn tổ chức họp dân đưa công khai các nội dung kế hoạch thực hiện Đề án.

2. Giao nhiệm vụ lập các kế hoạch cụ thể:

- Đối với nhiệm vụ dồn điền đổi thửa giao các thôn xây dựng kế hoạch từng vùng chuyên đổi ruộng đất đối với các hộ liền kề.

- HTX dịch vụ nông nghiệp phát huy năng lực, lập kế hoạch liên kết cung ứng vật tư, bao tiêu sản phẩm cho nông dân.

- Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư, tích tụ ruộng đất xây dựng “Cánh đồng lớn”

- Tạo cơ chế hỗ trợ để các hộ cải tạo, chỉnh trang vườn hộ, tiếp tục xây dựng vườn “Mẫu” có diện tích đảm bảo quy định tại các thôn.

3. Phân công trách nhiệm:

- BCH Đảng uỷ xã ra Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện các nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đồng thời phân công các uỷ viên trực tiếp chỉ đạo các đơn vị thôn.

- HĐND xã ra nghị quyết sát thực tình hình thực tế, theo từng giai đoạn để có cơ chế chính sách hỗ trợ, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án.

- UBND xã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch, phân công cán bộ trực tiếp chỉ đạo các thôn.

- UBMTTQ làm tốt công tác tuyên truyền kiểm tra, phản biện, chỉ đạo các tổ chức thành viên thực hiện.

- Các tổ chức đoàn thể vận động hội viên, đoàn viên của mình tham gia

- Hội Nông dân chủ lực trong cải tạo vườn tạp, chỉnh trang vườn hộ, trồng cây ăn quả phát triển kinh tế vườn hộ, tập trung chỉ đạo xây dựng các mô hình vườn mẫu.

- Hội Phụ nữ chủ lực trong phát triển chăn nuôi và ngành nghề, công tác VSMT.

- Hội Cựu chiến binh chủ lực phát triển kinh tế trang trại, xây dựng các mô hình.

- Đoàn Thanh niên chủ lực chỉ đạo câu lạc bộ làm kinh tế trẻ, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, vận động ĐVTN học nghề và xây dựng mô hình kinh tế hộ thanh niên.

- Ban chỉ đạo xây dựng NTM và Ban phát triển các thôn, tổ chức họp dân, triển khai Đề án, tuyên truyền vận động nhân dân, nắm rõ các cơ chế chính sách. Lập Kế

hoạch cụ thể, sát với tình hình thực tế của các thôn để triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả.

4. Công tác phối hợp báo cáo sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm

- Hàng tuần BCD xã tổ chức hội nghị giao ban phản ánh tình hình về tiến độ thực hiện các nội dung Đề án.

- Hằng tháng tổ chức họp rút kinh nghiệm báo cáo BCD thành phố, tỉnh về kết quả tổ chức thực hiện, các vướng mắc đề nghị giúp đỡ giải quyết.

- Sơ kết công tác quý và 6 tháng, năm về tình hình tiến độ triển khai các nội dung Đề án, chọn những điển hình tốt, cách làm hay để nhân ra diện rộng, các tồn tại vướng mắc đề xuất cấp trên giải quyết; kịp thời khen thưởng, biểu dương tổ chức, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phần thứ tư ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND thành phố và các phòng, ban liên quan của thành phố.

- Tiếp tục thực hiện các cơ chế hỗ trợ nông dân theo Nghị quyết 15.

2. Đối với Đảng uỷ, có nghị quyết chuyên đề chỉ đạo các chi bộ triển khai thực hiện Đề án.

3. Mặt trận và các Đoàn thể ở xã.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, đến tận cán bộ đảng viên và nhân dân thực hiện đề án đạt hiệu quả.

4. HĐND xã, ra Nghị quyết cơ chế phù hợp để hỗ trợ cho các hộ nông dân mạnh dạn đầu tư nông hộ hợp lý, những mô hình nhỏ chưa đạt các quy định hưởng cơ chế của thành phố của tỉnh.

5. Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn và các doanh nghiệp liên kết liên doanh với địa phương.

- Tiếp tục liên kết hợp tác trợ bà con trong sản xuất, kinh doanh và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho bà con nông dân.

Trên đây là Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 – 2025 của xã Thạch Hạ./.

Nơi nhận:

- UBND, Phòng KT thành phố (Đề BC);
- TT Đảng uỷ- HĐND- UBMT TQ;
- Các Ban, ngành, đoàn thể;
- BT- thôn Trường, Trường BCTMT 11 thôn;
- Lưu VP, Ban KN,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Thế Kỷ

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

TT	Nội dung	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Chủ trì thực hiện